

Số: 12/2023/VLC/CBBCTC

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng Khoán Hà Nội**

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý 4/2022 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

- Tên tổ chức:
  - Mã chứng khoán: VLC
  - Địa chỉ: 519 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
  - Điện thoại liên hệ: 0243.862.1688
  - Email: [ir@vilico.vn](mailto:ir@vilico.vn) Website: <https://www.vilico.vn/>
- Nội dung thông tin công bố:
  - BCTC Quý 4 năm 2022:
    - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
    - BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
    - BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng)
  - Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có  Không

Văn bản giải trình trong trường hợp có

Có  Không

Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có  Không

Văn bản giải trình trong trường hợp có

Có  Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/01/2023 tại đường dẫn: [Vilico.vn/](http://Vilico.vn/) Thông tin cổ đông/ Báo cáo tài chính.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;

- Lưu TCKT, VT

**TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP**

Người được ủy quyền công bố thông tin



**Lê Huy Bích**

Giám đốc Tài chính/ CFO



**TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI  
VIỆT NAM – CTCP**

-----o0o-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----o0o-----

Số: 11/2023/VLC/CVGT

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2023

**Kính gửi:** - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức : **TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP**

- Mã chứng khoán : **VLC**
- Địa chỉ : 519 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại liên hệ : 0243.862.1688
- E-mail: [ir@vilico.vn](mailto:ir@vilico.vn)

2. Nội dung thông tin công bố :

Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế theo Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2022:

2.1. Báo cáo tài chính riêng Quý 4 năm 2022 (Đơn vị tính: VND):

Chỉ tiêu	Quý 4 năm 2022	Quý 4 năm 2021	Thay đổi	Tỷ lệ
Lợi nhuận sau Thuế TNDN	70.908.144.830	32.865.515.181	38.042.629.649	116%

Lợi nhuận sau Thuế TNDN Công ty mẹ Quý 4 năm 2022 tăng 38.042.629.649 đồng, tương ứng tăng 116% so với cùng kỳ Quý 4 năm 2021. Nguyên nhân chính là do doanh thu tài chính tăng mạnh so với cùng kỳ, chủ yếu là tiền cổ tức nhận được từ Công ty Cổ phần Giống Bò Sữa Mộc Châu.

2.2. Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2022 (Đơn vị tính: VND)

Chỉ tiêu	Quý 4 năm 2022	Quý 4 năm 2021	Thay đổi	Tỷ lệ
Lợi nhuận sau Thuế TNDN	41.966.059.114	55.347.840.466	-13.381.781.352	-24,18%

Lợi nhuận sau thuế TNDN hợp nhất Quý 4 năm 2022 giảm 13.381.781.352 đồng, tương ứng giảm 24,18% so với cùng kỳ Quý 4 năm 2021. Nguyên nhân chính là do trong Quý 4 năm 2022, tại công ty con tăng cường các chương trình khuyến mại, trưng bày, hỗ trợ nhà phân phối... để thúc đẩy tăng doanh thu (doanh thu Quý 4/2022 tăng 9,6% so với Quý 4/2021), làm cho tỷ lệ chi phí bán hàng/ doanh thu tăng so với cùng kỳ (từ 20,5% - Quý 4/2021 lên 23,5% - Quý 4/2022); tỷ lệ chi phí quản lý doanh nghiệp/ doanh thu tăng so với cùng kỳ (từ 4,2% - Quý 4/2021 lên 4,7% - Quý 4/2022).

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu TCKT, VT

**TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP**

Người được ủy quyền công bố thông tin



**Lê Huy Bích**

Giám đốc Tài chính/ CFO

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

Báo cáo tài chính riêng  
cho giai đoạn quý IV và năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2022



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thông tin về Tổng Công ty**

**Các văn bản thành lập**

Quyết định số 862 NN-TCCB/QĐ ngày 21 tháng 6 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Tổng Công ty được chuyển đổi thành Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP theo Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100104443 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất (lần thứ 9) là ngày 29 tháng 4 năm 2022.

**Hội đồng Quản trị**

Bà Mai Kiều Liên	Chủ tịch
Ông Trịnh Quốc Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Bách	Thành viên (từ ngày 08/06/2022)
Ông Lê Thành Liêm	Thành viên (từ ngày 08/06/2022)
Ông Đỗ Hoàng Phúc	Thành viên (từ ngày 08/06/2022)
Ông Trần Chí Sơn	Thành viên (đến ngày 08/06/2022)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Trịnh Quốc Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đăng Khoa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Chí Sơn	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 20/05/2022)

**Ban Kiểm soát**

Bà Hà Thị Diệu Thu	Trưởng Ban
Ông Trịnh Công Sơn	Thành viên
Ông Trương Anh Vũ	Thành viên (từ ngày 08/06/2022)
Ông Trịnh Công Tuyển	Thành viên (đến ngày 08/06/2022)

**Trụ sở đăng ký**

519 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy  
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam



## **Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

### **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty cho giai đoạn quý IV và năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 3 đến trang 35 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho giai đoạn quý IV kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Trịnh Quốc Dũng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 1 năm 2023

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022**

**Mẫu B 01a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>853.366.878.351</b>	<b>622.243.290.564</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>8</b>	<b>26.073.122.145</b>	<b>38.848.075.241</b>
Tiền	111		11.073.122.145	13.848.075.241
Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	25.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>666.000.000.000</b>	<b>567.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	666.000.000.000	567.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>157.654.424.255</b>	<b>15.088.405.915</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	2.252.593.113	2.346.806.887
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		126.257.445.512	415.273.291
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	33.104.460.630	12.565.325.737
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(3.960.075.000)	(239.000.000)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>37.870.000</b>	<b>55.482.620</b>
Hàng tồn kho	141		37.870.000	55.482.620
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.601.461.951</b>	<b>1.251.326.788</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		207.716.781	147.164.605
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.297.581.332	1.002.474.233
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	14(a)	2.096.163.838	101.687.950

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP****Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> <b>(200 = 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>1.710.164.493.319</b>	<b>363.399.547.663</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>9.200.213.818</b>	<b>18.208.540.148</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	12	8.990.310.567	18.208.540.148
<i>Nguyên giá</i>	222		56.824.083.340	151.944.761.946
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(47.833.772.773)	(133.736.221.798)
Tài sản cố định vô hình	227		209.903.251	-
<i>Nguyên giá</i>	228		686.582.000	299.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(476.678.749)	(299.000.000)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>10.271.530.741</b>	<b>780.167.941</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		10.271.530.741	780.167.941
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.690.343.735.833</b>	<b>343.933.239.680</b>
Đầu tư vào công ty con	251	9(b)	1.520.111.636.965	328.647.265.465
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252	9(b)	238.833.528.842	7.933.556.527
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	9(b)	29.761.912.327	29.761.912.327
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	9(b)	(98.363.342.301)	(22.409.494.639)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>349.012.927</b>	<b>477.599.894</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		349.012.927	450.554.335
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	27.045.559
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> <b>(270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.563.531.371.670</b>	<b>985.642.838.227</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP****Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)</b>	<b>300</b>		<b>188.996.997.865</b>	<b>47.666.540.626</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>188.996.997.865</b>	<b>47.666.540.626</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311		2.608.165.701	1.255.016.170
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.694.893.000	1.469.893.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14(b)	847.660.552	2.832.462.819
Phải trả người lao động	314		1.022.493.565	590.036.035
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		182.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	138.222.463.069	5.959.784.769
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	16	2.004.069.120	1.775.143.680
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	42.415.252.858	33.784.204.153
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>2.374.534.373.805</b>	<b>937.976.297.601</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>2.374.534.373.805</b>	<b>937.976.297.601</b>
Vốn cổ phần	411	19	1.723.461.730.000	631.010.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		1.723.461.730.000	631.010.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		236.741.977.230	-
Quỹ đầu tư phát triển	418	20	80.559.835.691	61.102.545.573
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		333.770.830.884	245.863.752.028
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		165.217.237.054	167.107.526.105
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay</i>	421b		168.553.593.830	78.756.225.923
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.563.531.371.670</b>	<b>985.642.838.227</b>

Ngày 30 tháng 1 năm 2023

Người lập:


Hoàng Mạnh Cường  
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Lê Huy Bích  
Giám đốc Tài chínhTrịnh Quốc Dũng  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho giai đoạn quý IV và năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

Mẫu B 02a-DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Năm kết thúc ngày	
		31/12/2022 VND	31/12/2021 VND	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
01	22	871.739.237	982.088.470	3.631.691.568	3.587.576.373
11	23	591.956.570	550.497.691	2.195.654.904	2.172.905.884
<b>20</b>		<b>279.782.667</b>	<b>431.590.779</b>	<b>1.436.036.664</b>	<b>1.414.670.489</b>
21	24	81.118.224.920	43.615.837.831	219.000.609.374	116.766.808.779
22	25	4.243.085.367	5.759.567.649	4.775.424.053	6.325.491.549
26	26	4.940.926.879	4.694.209.879	18.981.881.963	14.679.600.433
<b>30</b>		<b>72.213.995.341</b>	<b>33.593.651.082</b>	<b>196.679.340.022</b>	<b>97.176.387.286</b>
31	27	1.324.243.250	260.437.361	11.149.053.911	1.416.806.936
32	28	2.630.093.761	1.239.050.348	10.061.819.365	4.220.071.599
<b>40</b>		<b>(1.305.850.511)</b>	<b>(978.612.987)</b>	<b>1.087.234.546</b>	<b>(2.803.264.663)</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho giai đoạn quý IV và năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 02a-DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Năm kết thúc ngày	
		31/12/2022	31/12/2021	31/12/2022	31/12/2021
50	Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	70.908.144.830	32.615.038.095	197.766.574.568	94.373.122.623
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	(263.999.865)	-	1.664.639.174
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	13.522.779	27.045.559	54.091.117
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	70.908.144.830	32.865.515.181	197.739.529.009	92.654.392.332

Ngày 30 tháng 01 năm 2023

Người lập:

Hoàng Mạnh Cường  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Huy Bích  
Giám đốc Tài chính

Trịnh Quốc Dũng  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>197.766.574.568</b>	<b>94.373.122.623</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao	02	2.983.122.461	4.326.374.500
Các khoản dự phòng	03	5.004.349.492	6.554.416.989
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(221.539.302.801)	(116.896.596.452)
<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(15.785.256.280)</b>	<b>(11.642.682.340)</b>
Biến động các khoản phải thu	09	(8.849.599.812)	(2.230.259.890)
Biến động hàng tồn kho	10	17.612.620	-
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	131.975.608.268	1.366.949.301
Biến động chi phí trả trước	12	40.989.232	(314.104.159)
		<b>107.399.354.028</b>	<b>(12.820.097.088)</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.664.639.174)	(1.027.082.085)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.097.596.356)	(1.233.946.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>104.637.118.498</b>	<b>(15.081.125.173)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(129.619.198.147)	(775.559.941)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	9.940.433.333	129.787.673
Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn	23	(581.000.000.000)	(1073.000.000.000)
Tiền thu tiền gửi có kỳ hạn	24	772.000.000.000	1.025.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(351.900.000.000)	(57.528.160.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	1.336.500.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	212.002.150.610	156.617.135.320
Tiền thu từ sáp nhập		54.572.246.410	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(14.004.367.794)</b>	<b>51.779.703.052</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền chi trả cổ tức	36	(103.407.703.800)	(37.860.600.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	(103.407.703.800)	(37.860.600.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> (50 = 20 + 30 + 40)	50	(12.774.953.096)	(1.162.022.121)
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	60	38.848.075.241	40.010.097.362
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 8)</b>	70	26.073.122.145	38.848.075.241

Ngày 30 tháng 1 năm 2023

Người lập:

Hoàng Mạnh Cường  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Lê Huy Bích  
Giám đốc Tài chínhTrần Quốc Dũng  
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*



# **Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

## **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

### **1. Đơn vị báo cáo**

#### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”), tiền thân là Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, được thành lập theo Quyết định số 862 NN-TCCB/QĐ ngày 21 tháng 6 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Tổng Công ty được chuyển đổi thành Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP theo Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100104443 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 29 tháng 04 năm 2022.

#### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con:

- Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò;
- Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn;
- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; và
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

#### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

#### **(d) Cấu trúc Tổng Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty có 2 công ty con và 5 công ty liên kết (1/1/2022: 2 công ty con và 2 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 9(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty có 26 nhân viên (1/1/2022: 19 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính. Toàn bộ các số liệu được trình bày bằng VND, trừ khi được ghi chú khác.

## **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

### **(a) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.



**(b) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(c) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(d) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.



**(e) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 30 năm
▪ Máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 10 năm
▪ Thiết bị văn phòng	3 – 8 năm

**(f) Tài sản cố định vô hình**

**Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 2 đến 5 năm.

**(g) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng tài sản cố định hữu hình chưa được hoàn thành. Tổng Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

**(h) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.



**(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa định kỳ, thuê biển quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(j) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(k) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.



**(m) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iii) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(n) Thuê tài sản (thuê hoạt động)**

***Các khoản thanh toán tiền thuê***

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(o) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ cấp cao nhất, các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty và của các công ty này.

**(p) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ trước.



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh**

Tổng Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Tổng Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có sự thay đổi trọng yếu về các ước tính kế toán đã được thực hiện từ cuối kỳ kế toán năm trước.

**6. Các khoản mục bất thường**

Không có khoản mục bất thường của Tổng Công ty trong giai đoạn quý IV và năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**7. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị**

Ngày 27 tháng 1 năm 2022, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước đã chấp thuận cho Tổng Công ty đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi theo Hợp đồng Sáp Nhập Công ty Cổ phần GTNfoods (“GTN”). Theo đó, Tổng Công ty sẽ phát hành thêm cổ phiếu của Tổng Công ty cho các cổ đông hiện hữu của GTN để hoán đổi lấy toàn bộ cổ phiếu GTN đang lưu hành, tỷ lệ hoán đổi là 1,6:1 (cổ đông sở hữu 1,6 cổ phiếu GTN vào ngày chốt quyền sẽ hoán đổi lấy 1 cổ phiếu của Tổng Công ty).

Ngày 16 tháng 3 năm 2022, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước đã ban hành công văn số 1720/UBCK-QLCB về việc xác nhận kết quả phát hành theo Báo cáo kết quả phát hành số 21/2022/VLC/CV ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Tổng Công ty. Theo đó, Tổng Công ty đã phát hành thành công thêm 156.248.309 cổ phiếu để hoán đổi theo hợp đồng sáp nhập với GTN.

Ngoài ra, không có thay đổi trọng yếu nào khác trong cơ cấu của Tổng Công ty cho giai đoạn quý IV và năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022  
(tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***8. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	17.281.213	11.164.695
Tiền gửi ngân hàng	11.055.840.932	13.836.910.546
Các khoản tương đương tiền	15.000.000.000	25.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	26.073.122.145	38.848.075.241

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng với lãi suất 6,0%/năm (1/1/2022: 3,2%/năm).

**9. Các khoản đầu tư tài chính****(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và thời hạn thu hồi còn lại dưới 12 tháng kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán với lãi suất từ 5,3%/năm đến 11%/năm (1/1/2022: từ 4,7%/năm đến 5,8%/năm).



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Địa chỉ	Số lượng	%	% quyền biểu quyết	31/12/2022		Giá hợp VN
					Giá gốc VND	Dự phòng VND	
<b>Đầu tư góp vốn vào:</b>							
<b>Công ty con</b>							
▪ Công ty Cổ phần Giống Bò sữa Mộc Châu (“MCM”)	Tỉnh Sơn La	65.229.971	59,30%	59,30%	1.144.751.636.965	-	(**)
▪ Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật	Hà Nội	-	51,00%	51,00%	375.360.000.000	-	(**)
					1.520.111.636.965	-	
<b>Công ty liên kết</b>							
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Súc sản Gia cầm Hải Phòng	Hải Phòng	491.658	30,00%	30,00%	4.614.583.308	(4.614.583.308)	(**)
▪ Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	Hà Nội	-	36,00%	36,00%	3.318.973.219	-	(**)
▪ Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng (**)	Lâm Đồng	5.613.217	38,30%	38,30%	80.622.827.315	-	(**)
▪ Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP (**)	Hà Nội	7.400.000	16,23%	16,23%	82.777.145.000	(28.210.553.284)	(**)
▪ Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung (**)	Quảng Nam	6.750.000	40,06%	40,06%	67.500.000.000	(43.243.393.382)	(**)
					238.833.528.842	(76.068.529.974)	

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Địa chỉ	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	31/12/2022	
					Giá gốc	Giá hợp
<b>Đơn vị khác</b>						
▪ Công ty Cổ phần Chăn nuôi Chế biến Xuất nhập khẩu Hà Nội	Hà Nội	291.264	17,12%	17,12%	4.685.428.501	(**): (4.685.428.501)
▪ Công ty Cổ phần Sữa Đà Lạt	Tỉnh Lâm Đồng	746.810	5,64%	5,64%	7.467.100.000	(**): -
▪ Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung Ương Hà Nội	Hà Nội	1.722.715	17,23%	17,23%	17.609.383.826	(**): (17.609.383.826)
					29.761.912.327	(22.294.812.327)
					1.788.707.078.134	(98.363.342.301)



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**1/1/2022**

	Địa chỉ	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư góp vốn vào:</b>							
<b>Công ty con</b>							
▪ Công ty Cổ phần Giống Bò sữa Mộc Châu (“MCM”)	Tỉnh Sơn La	35.771.572	32,52%	59,30%	305.187.265.465	-	(***)
▪ Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật	Hà Nội	-	51,00%	51,00%	23.460.000.000	-	(***)
					328.647.265.465	-	

**Công ty liên kết**

▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Súc sản Gia cầm Hải Phòng	Hải Phòng	491.658	30,00%	30,00%	4.614.583.308	(4.614.583.308)	(***)
▪ Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	Hà Nội	-	36,00%	36,00%	3.318.973.219	-	(***)
					7.933.556.527	(4.614.583.308)	

**Đơn vị khác**

▪ Công ty Cổ phần Chăn nuôi Chế biến Xuất nhập khẩu	Hà Nội	291.264	17,12%	17,12%	4.685.428.501	(4.685.428.501)	(***)
▪ Công ty Cổ phần Sữa Đà Lạt	Tỉnh Lâm Đồng	746.810	5,64%	5,64%	7.467.100.000	-	(***)
▪ Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung Ương	Hà Nội	1.722.715	17,23%	17,23%	17.609.383.826	(13.109.482.830)	(***)
					29.761.912.327	(17.794.911.331)	

366.342.734.319 (22.409.494.639)

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022****(tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (\*) Sau khi GTN được sáp nhập vào Tổng Công ty vào ngày 16 tháng 3 năm 2022, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Giống Bò sữa Mộc Châu do GTN trực tiếp nắm giữ trước đây được Tổng Công ty kế thừa. Theo đó, giá trị và tỷ lệ sở hữu của khoản đầu tư vào MCM của Tổng Công ty được tăng lên sau sáp nhập.
- (\*\*) Các công ty liên kết do GTN trực tiếp sở hữu trước đây đã được chuyển sang cho Tổng Công ty sở hữu sau khi GTN được sáp nhập vào Tổng Công ty vào ngày 16 tháng 3 năm 2022.
- Tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP dưới 20%. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP thông qua việc Công ty có thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của công ty này. Do đó, khoản đầu tư vào Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP được trình bày trên khoản mục Đầu tư vào công ty liên kết.
- (\*\*\*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật	420.108.620	420.108.620
Công ty Cổ phần Giống Bò sữa Mộc Châu	186.109.653	170.046.093
<b>Bên khác</b>		
Công ty Cổ phần Phát triển TNS Việt Nam	1.262.367.484	1.370.473.574
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật liệu Xây dựng Cát Linh	239.000.000	239.000.000
Các khách hàng khác	145.007.356	147.178.600
	2.252.593.113	2.346.806.887



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022  
(tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***11. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật	13.200.000.000	-
<b>Bên khác</b>		
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	528.800.000	528.800.000
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	17.097.316.439	10.098.857.675
Phải thu người lao động	923.741.146	698.039.154
Phải thu về cổ phần hóa	79.100.000	79.100.000
Phải thu khác	1.275.503.045	1.160.528.908
	<hr/>	
	33.104.460.630	12.565.325.737
	<hr/>	

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**12. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	122.348.580.780	25.254.415.004	132.701.454	4.209.064.708	151.944.761.946
Tăng do sáp nhập Thanh lý	- (76.936.689.317)	- (18.943.687.719)	193.400.000	1.467.313.818 (901.015.388)	1.660.713.818 (96.781.392.424)
Số dư cuối kỳ	45.411.891.463	6.310.727.285	326.101.454	4.775.363.138	56.824.083.340
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	107.538.330.629	22.751.799.152	132.701.454	3.313.390.563	133.736.221.798
Khấu hao trong kỳ	1.466.035.649	1.067.749.286	22.624.997	391.033.780	2.947.443.712
Tăng do sáp nhập Thanh lý	- (69.949.360.238)	- (18.529.276.892)	170.775.003	358.984.778 (901.015.388)	529.759.781 (89.379.652.518)
Số dư cuối kỳ	39.055.006.040	5.290.271.546	326.101.454	3.162.393.733	47.833.772.773
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	14.810.250.151	2.502.615.852	-	895.674.145	18.208.540.148
Số dư cuối kỳ	6.356.885.423	1.020.455.739	-	1.612.969.405	8.990.310.567

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có tài sản có nguyên giá 26.832 triệu VND (1/1/2022: 68.841 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	31/12/2022		1/1/2022	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗi tính thuế	34.075.848.082	6.815.169.616	-	-
	<u>34.075.848.082</u>	<u>6.815.169.616</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào năm 2024 và đã được quyết toán, được mang sang từ GTN.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Tổng Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

**14. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	1/1/2022 VND	Tăng do sáp nhập VND	Số phải thu trong kỳ VND	Số đã được hoàn lại/bù trừ trong kỳ VND	31/12/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	2.571.622	-	-	-	2.571.622
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.093.340.566	-	-	2.093.340.566
Thuế thu nhập cá nhân	251.650	-	-	-	251.650
Thuế nhà đất	98.864.678	-	1.772.129.575	1.870.994.253	-
	<u>101.687.950</u>	<u>2.093.840.566</u>	<u>1.772.129.575</u>	<u>1.870.994.253</u>	<u>2.096.163.838</u>

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2022 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/ bù trừ trong kỳ VND	31/12/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng	41.131.718	14.192.549.073	(14.155.927.221)	77.753.570
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.664.639.174	-	(1.664.639.174)	-
Thuế thu nhập cá nhân	468.945.867	2.128.208.681	(2.484.026.572)	113.127.976
Thuế nhà đất	656.746.060	1.368.208.566	(1.368.175.620)	656.779.006
Các loại thuế khác	1.000.000	8.000.000	(9.000.000)	-
	2.832.462.819	17.696.966.320	(19.681.768.587)	847.660.552

**15. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật	132.000.000.000	-
<b>Bên khác</b>		
Kinh phí công đoàn	290.567.680	177.130.460
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	135.000.000	135.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.796.895.389	5.647.654.309
	138.222.463.069	5.959.784.769

**16. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng tiền thuê đất đang được tạm tính theo đơn giá do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành cho giai đoạn từ tháng 7 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 do khu đất đang sử dụng chưa có hợp đồng thuê và thông báo nộp tiền thuê đất để làm căn cứ xác định nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

**17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	33.784.204.153	24.892.385.972
Trích lập trong kỳ	9.728.645.062	10.125.764.181
Sử dụng trong kỳ	(1.097.596.357)	(1.233.946.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	42.415.252.858	33.784.204.153
	<hr/>	<hr/>

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**18. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1/1/2021</b>	631.010.000.000	-	40.851.017.209	221.447.252.241	893.308.269.450
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	92.654.392.332	92.654.392.332
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	20.251.528.364	(20.251.528.364)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(10.125.764.181)	(10.125.764.181)
Cổ tức	-	-	-	(37.860.600.000)	(37.860.600.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2021</b>	631.010.000.000	-	61.102.545.573	245.863.752.028	937.976.297.601
<b>Số dư tại ngày 1/1/2022</b>	631.010.000.000	-	61.102.545.573	245.863.752.028	937.976.297.601
Phát hành thêm cổ phiếu để thực hiện sáp nhập với GTN	1.562.483.090.000	-	-	-	1.562.483.090.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	197.739.529.010	197.739.529.010
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	19.457.290.118	(19.457.290.118)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(9.728.645.062)	(9.728.645.062)
Tăng giảm do sáp nhập	(470.031.360.000)	236.741.977.230	-	22.761.188.826	(210.528.193.944)
Cổ tức	-	-	-	(103.407.703.800)	(103.407.703.800)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2022</b>	1.723.461.730.000	236.741.977.230	80.559.835.691	333.770.830.884	2.374.534.373.805

(\*)

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/NQ-VLC ĐHCĐ/2022 ngày 8 tháng 6 năm 2022, Tổng Công ty trích lập Quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 với tỷ lệ 10% tương ứng với số tiền 19.457.290.118 VND và Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 với tỷ lệ 5% tương ứng với số tiền 9.728.645.062 VND.



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022****(tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***19. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2022		1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	172.346.173	1.723.461.730.000	63.101.000	631.010.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	172.346.173	1.723.461.730.000	63.101.000	631.010.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	172.346.173	1.723.461.730.000	63.101.000	631.010.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã thông qua nghị quyết số 02/2021/VLC/NQ-ĐHĐCĐ phê duyệt phương án sáp nhập và dự thảo Hợp đồng Sáp nhập công ty Cổ phần GTNfoods ('GTN'), Công ty mẹ của Tổng Công ty vào tổng Công ty theo phương án phát hành thêm cổ phiếu của tổng Công ty cho các cổ đông của GTN để hoán đổi lấy toàn bộ cổ phiếu của GTN đang lưu hành, tỉ lệ hoán đổi 1,6:1.

Ngày 16 tháng 3 năm 2022, Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã phát hành công văn số 1270/UBCK-QLCB về việc xác nhận kết quả phát hành theo Báo cáo kết quả phát hành số 21/2022/VLC/CV ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Tổng Công ty, theo đó Tổng Công ty đã phát hành thành công thêm 156.248.309 cổ phiếu hoán đổi theo hợp đồng sáp nhập với GTN và hủy 47.003.136 cổ phiếu như sau:

	Số lượng cổ phiếu	Số cổ phần
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	63.101.000	631.010.000.000
Phát hành cổ phiếu để hoán đổi	156.248.309	1.560.248.309.000
Số cổ phiếu bị hủy niêm yết	(47.003.136)	(470.003.136.000)
	172.346.173	1.721.255.173.000

**20. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2022</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2022</b> <b>VND</b>
Trong vòng một năm	3.319.255.984	3.061.851.736
Từ hai đến năm năm	10.925.962.145	11.008.552.445
Trên năm năm	54.571.898.942	57.303.389.478
	<hr/>	<hr/>
	68.817.117.071	71.373.793.659

**22. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm 2022</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2021</b> <b>VND</b>
Cung cấp dịch vụ	3.631.691.568	3.587.576.373

**23. Giá vốn dịch vụ đã cung cấp**

	<b>Năm 2022</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2021</b> <b>VND</b>
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.195.654.904	2.172.905.884



**24. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Năm 2022</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2021</b> <b>VND</b>
Cổ tức được chia	166.135.099.500	86.873.645.700
Lãi tiền gửi và cho vay	52.865.509.874	29.417.846.198
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	-	475.316.881
	<hr/>	<hr/>
	219.000.609.374	116.766.808.779

**25. Chi phí tài chính**

	<b>Năm 2022</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2021</b> <b>VND</b>
Dự phòng đầu tư tài chính	4.775.424.052	6.325.491.549
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	-	-
	<hr/>	<hr/>
	4.775.424.052	6.325.491.549

**26. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Năm 2022</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2021</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	8.577.812.971	4.826.846.517
Chi phí khấu hao	508.983.933	355.578.784
Thuế, phí và lệ phí	1.963.866.427	2.371.363.039
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.874.394.169	6.091.179.543
Chi phí bằng tiền khác	2.056.824.463	1.034.632.550
	<hr/>	<hr/>
	18.981.881.963	14.679.600.433

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Thu nhập khác**

	<b>Năm 2022</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2021</b> <b>VND</b>
Thu từ thanh lý tài sản cố định	9.940.433.333	72.727.273
Thu nhập khác	1.208.620.578	1.344.079.663
	<hr/>	<hr/>
	11.149.053.911	1.416.806.936

**28. Chi phí khác**

	<b>Năm 2022</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2021</b> <b>VND</b>
Chi phí khấu hao các tài sản tạm thời không sử dụng	1.799.078.558	4.210.673.601
Chi phí thanh lý tài sản	7.401.739.906	-
Chi phí khác	861.000.901	245.725.484
	<hr/>	<hr/>
	10.061.819.365	4.456.399.085

**29. Chi phí kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Năm 2022</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2021</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	8.577.812.971	4.826.846.517
Chi phí khấu hao	2.983.122.461	839.160.249
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.741.414.545	7.780.503.962
Chi phí khác	2.056.824.463	3.405.995.589
	<hr/>	<hr/>

**30. Thuế thu nhập doanh nghiệp**



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	<b>Năm 2022</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2021</b> <b>VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	-	1.664.639.174
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Ghi giảm tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.045.559	54.091.117
	27.045.559	1.718.730.291

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>Năm 2022</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2021</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	197.766.574.569	94.373.122.623
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	39.553.314.913	18.874.624.525
Chi phí không được khấu trừ	488.874.603	932.251.695
Thu nhập không bị tính thuế	(33.227.019.900)	(17.374.729.140)
Lỗi tính thuế được sử dụng	(6.815.169.616)	-
Điều chỉnh giảm thuế TNDN 30%	-	(713.416.789)
	-	1.718.730.291

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022****(tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***Giá trị giao dịch**

	<b>Năm 2022 VND</b>	<b>Năm 2021 VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
<i>Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam</i>		
Cổ tức được chia	70.312.500.000	-
<b>Công ty con</b>		
<i>Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu</i>		
Bán hàng hóa, dịch vụ	719.594.858	705.558.311
Mua cổ phần	-	34.068.160.000
Cổ tức được chia	163.075.099.500	89.428.758.000
<i>Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật</i>		
Góp vốn	351.900.000.000	23.460.000000
Cung cấp dịch vụ	-	420.108.620
<b>Công ty liên quan khác</b>		
<i>Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội</i>		
Cổ tức được chia	3.060.000.000	-
<b>Thành viên ban giám đốc</b>		
Lương và thưởng	812.000.000	480.000.000
<b>Thành viên hội đồng quản trị và ban kiểm soát</b>		
Thù lao và các khoản phúc lợi khác	592.000.000	408.000.000

**32. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư**

	<b>Năm 2022 VND</b>	<b>Năm 2021 VND</b>
Xóa sổ khoản phải thu về cho vay và dự phòng phải thu tương ứng	-	150.000.000



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022****(tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***Tăng tài sản do sáp nhập GTN**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	290.000.000.000	-
Tài sản cố định hữu hình	1.130.954.037	-
Đầu tư góp vốn vào công ty con	839.564.371.500	-
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	230.899.972.315	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(71.569.800.636)	-

**Tăng vốn do sáp nhập**

Vốn cổ phần	1.092.451.730.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	236.741.977.230	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22.761.188.826	-

---

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**33. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ngày 30 tháng 1 năm 2023

Người lập:



Hoàng Mạnh Cường  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Huy Bích  
Giám đốc Tài chính



C.P